

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án: Khu Văn hóa – Thể thao huyện Triệu Sơn**

#### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;*

*Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 23/11/2020 của HĐND huyện Triệu Sơn khóa XVII, kỳ họp thứ 15 về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Khu Văn hóa – Thể thao huyện Triệu Sơn;*

*Căn cứ Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế, nhiệm vụ khảo sát và dự toán các chi phí giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án khu Văn hóa – Thể thao huyện Triệu Sơn;*

*Căn cứ Văn bản số 66/TTKĐ-TVXD ngày 12/3/2021 của Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng Thanh Hóa về việc báo cáo kết quả thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi dự án khu Văn hóa – Thể thao huyện Triệu Sơn;*

*Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 68/TĐ-KTHT ngày 15/3/2021 và Ban QLDA ĐTXD huyện tại Tờ trình số 129/TTr-BQLDA ngày 15/3/2021.*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án khu Văn hóa – Thể thao huyện Triệu Sơn với các nội dung chủ yếu sau:

**1. Tên dự án:** Khu Văn hóa – Thể thao huyện Triệu Sơn.

**2. Nhóm dự án, loại, cấp công trình:** Dự án nhóm B, công trình dân dụng, cấp III.

**3. Địa điểm xây dựng:** Thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**4. Chủ đầu tư:** UBND huyện Triệu Sơn.

**5. Mục tiêu đầu tư:**

Hoàn thiện cơ sở vật chất các thiết chế văn hóa cấp huyện, để hoàn thành các tiêu chí huyện nông thôn mới vào năm 2022; nâng cao điều kiện về cơ sở vật chất để tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao của huyện; thúc đẩy phát triển các phong trào hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao của nhân dân, góp phần nâng cao ý thức rèn luyện thân thể và sức khỏe cho cộng đồng.

**6. Nội dung, quy mô đầu tư:**

Đầu tư xây dựng mới các hạng mục:

- Nhà Trung tâm Văn hóa - Thể thao 3 tầng, sân đường nội bộ và các công trình phụ trợ.

- Nhà tập luyện thể thao: Nhà tập luyện thể thao có mái che, với quy mô khoảng 1.500 chỗ ngồi, sân đường nội bộ và công trình phụ trợ.

- Sân vận động: gồm sân bóng đá, đường chạy thẳng và chạy vòng, khán đài khoảng 2.000 chỗ ngồi, các phòng chức năng, sân đường nội bộ và các công trình phụ trợ.

**7. Giải pháp và tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản:**

**7.1. Hạng mục: Nhà văn hóa – thể thao**

a. Giải pháp kiến trúc:

Quy mô công trình 03 tầng. Diện tích xây dựng: 358,6 m<sup>2</sup>. Chiều cao công trình tính từ cos 0,000m đến đỉnh mái là 16,3m, chiều cao tầng 1, 2, 3 là 3,6m; chiều cao phần tum, mái là 5,5m. Cốt nền nhà cao hơn so với cốt sân là 0,45m.

- Mặt bằng tầng 1 bố trí: 01 phòng thư viện, 01 phòng kho, 01 phòng HCTH, 02 phòng đội tuyên truyền lưu động và khu vệ sinh nam nữ riêng biệt. Mặt bằng tầng 2 bố trí: 01 phòng truyền thống, 01 phòng phó giám đốc, 01 phòng làm việc, 01 phòng thể dục, 01 phòng du lịch và khu vệ sinh nam nữ riêng biệt. Mặt bằng tầng 3 bố trí: 01 phòng hội trường, 01 phòng văn hóa nghệ thuật, 01 phòng dựng chương trình, 01 phòng studio, 01 phòng máy phát sóng và khu vệ sinh nam nữ riêng biệt.

- Nền phòng hành lang các tầng lát gạch Ceramic 600x600mm, nền khu vệ sinh lát gạch Ceramic chống trơn 300x300mm.

- Tường xây gạch không nung, vữa xi măng mác 50. Bê mặt tường, trần trát vữa xi măng, lăn sơn. Cầu thang: Bạc thang lát đá, lan bằng Inox. Hệ thống cửa sử dụng cửa kính khung nhựa lõi thép.

- Mái đổ sàn BTCT, phía trên xây tường thu hồi, gác xà gồ thép, lợp tôn.

b. Phương án kết cấu:

Kết cấu phần móng công trình sử dụng móng băng bằng BTCT mác 250# đá 1x2. Móng băng chiều rộng: 1,2m; 1,6m, chiều sâu móng tính từ cốt +0.000 đến đáy móng: 1,8m. Kết cấu phần thân sử dụng khung cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác 250# đổ tại chỗ. Tiết diện cột điển hình: 220x220mm; 220x300mm; 220x400mm,... Tiết diện dầm điển hình: 220x350mm; 220x450mm; 220x550mm,... Sàn BTCT các tầng dày 120mm.

c. Phần điện, chống sét, điều hòa, mạng Lan, Internet:

Hệ thống điện lấy từ nguồn điện trạm biến áp khu vực. Sau đó cấp cho thiết bị, chiếu sáng sử dụng hệ dây dẫn điện đi ngầm trong tường, trần và luồn trong ống bảo vệ. Hệ thống chống sét sử dụng kim thu sét D16 bố trí trên mặt của công trình. Dây dẫn sét thép D12, dây tiếp địa thép dẹt 40x4, cọc tiếp địa thép 63x63x6. Hệ thống điều hòa, mạng Lan, Internet bố trí phù hợp quy mô từng phòng.

c. Phần cấp thoát nước:

Cấp nước: Nước cấp cho công trình được lấy từ bể ngầm bơm lên téc nước trên mái và cấp xuống thiết bị dùng nước tại khu vệ sinh. Thoát nước thải từ xí, tiểu được thu vào hệ thống đường ống riêng qua bể tự hoại xử lý và thoát ra rãnh thoát nước chung. Nước thải từ phễu sàn, lavabo được thu vào đường ống và thải trực tiếp ra rãnh thoát nước bên ngoài. Ống thoát nước sử dụng ống nhựa PVC. Nước mưa trên mái được thu về sênô xung quanh mái, vào các ống đứng thoát nước PVC và thải ra rãnh thoát nước bên ngoài.

**7.2. Hạng mục: Nhà tập luyện thể thao (Nhà thi đấu):**

a. Giải pháp kiến trúc:

Quy mô công trình 02 tầng. Diện tích xây dựng: 3051,6 m<sup>2</sup>. Chiều cao công trình tính từ cos 0,000m đến đỉnh mái là 18,85m. Cốt nền nhà cao hơn so với cốt sân là 0,75m. Mặt bằng tầng 1 bố trí: 01 khu vực sân thi đấu, các phòng chức năng và các khu vệ sinh. Mặt bằng tầng 2 bố trí: khu vực khán đài 1500 chỗ.

- Nền khu vực sân thi đấu bằng sàn gỗ, nền các khu vực phòng chức năng lát gạch Granit 600x600mm, Sàn khu vực khán đài láng vữa xi măng, sơn chống mài mòn. Nền vệ sinh lát gạch chống trơn 300x300mm.

- Tường xây gạch không nung, vữa xi măng mác 50. Bề mặt tường, trần trát vữa xi măng, lăn sơn.

- Mái sử dụng hệ giàn vì kèo thép, xà gồ thép, lợp tôn.

b. Phương án kết cấu:

Kết cấu phần móng công trình sử dụng móng cọc BTCT mác 250# đá 1x2. Cọc tiết diện 0,25x0,25m; chiều dài cọc dự kiến: 15,0m gồm 3 đoạn. Sức chịu tải của cọc dự kiến: 30 tấn. Kết cấu phần thân sử dụng khung cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác 300# đổ tại chỗ. Tiết diện cột điển hình: 220x300mm; 220x350mm; 350x600mm,... Tiết diện dầm điển hình: 220x500mm; 220x600mm; 220x700mm,... Giàn vì kèo thép mái khẩu độ 40m. Sàn BTCT dày 150mm.

c. Phần điện, chống sét, điều hòa, thông gió:

Hệ thống điện lấy từ nguồn điện trạm biến áp khu vực. Sau đó cấp cho thiết bị, chiếu sáng sử dụng hệ dây dẫn điện đi ngầm trong tường, trần và luồn trong ống bảo vệ. Hệ thống chống sét sử dụng kim thu sét phát xạ sớm, cao 5,0m, đặt trên mái của công trình. Cáp đồng dẫn sét Cu-70, dây tiếp địa thép dẹt 40x4, cọc tiếp địa thép D16. Hệ thống điều hòa, thông gió bố trí phù hợp quy mô từng phòng.

c. Phần cấp thoát nước:

Cấp nước: Nước cấp cho công trình được lấy từ bể ngầm bơm lên téc nước trên mái và cấp xuống thiết bị dùng nước tại khu vệ sinh. Thoát nước thải từ xí, tiểu được thu vào hệ thống đường ống riêng qua bể tự hoại xử lý và thoát ra rãnh thoát nước chung. Nước thải từ phễu sàn, lavabo được thu vào đường ống và thải trực tiếp ra rãnh thoát nước bên ngoài. Ống thoát nước sử dụng ống nhựa PVC. Nước mưa trên mái được thu về sân xung quanh mái, vào các ống đứng thoát nước PVC và thải ra rãnh thoát nước bên ngoài.

### 7.3. Hạng mục: Sân vận động

a. Giải pháp kiến trúc:

Quy mô công trình 02 tầng. Diện tích xây dựng: 1.546,23 m<sup>2</sup>. Chiều cao công trình tính từ cos 0,000m đến đỉnh mái là 16,35m. Cốt nền nhà cao hơn so với cốt sân là 0,45m. Mặt bằng tầng 1 bố trí: 04 phòng kho, 01 phòng trọng tài, 01 phòng y tế, 01 phòng huấn luyện viên, 02 phòng vận động viên và các khu vệ sinh. Mặt bằng tầng 2 bố trí khu vực khán đài 2.000 chỗ.

- Nền các khu vực hành lang, phòng chức năng lát gạch Ceramic 600x600mm, Sàn khu vực khán đài đổ bê tông mài nhẵn, phủ chất chống mài mòn. Nền vệ sinh lát gạch chống trơn 300x300mm.

- Tường xây gạch không nung, vữa xi măng mác 75. Bề mặt tường, trần trát vữa xi măng, lăn sơn.

- Mái sử dụng hệ vì kèo thép hình, xà gồ thép, lợp tôn.

b. Phương án kết cấu:

Kết cấu phần móng công trình sử dụng móng cọc BTCT mác 250# đá 1x2. Cọc tiết diện 0,25x0,25m; chiều dài cọc dự kiến: 16,5m gồm 3 đoạn. Sức chịu tải của cọc dự kiến: 30 tấn. Kết cấu phần thân sử dụng khung cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác 300# đổ tại chỗ. Tiết diện cột điển hình: 220x220mm; 300x400mm; 600x1200mm,.... Tiết diện dầm điển hình: 300x400mm; 300x500; 300x600,.... Vì kèo mái bằng thép hình conson nhịp 18m. Sàn BTCT dày 120mm.

c. Phần điện, chống sét, điều hòa, thông gió:

Hệ thống điện lấy từ nguồn điện trạm biến áp khu vực. Sau đó cấp cho thiết bị, chiếu sáng sử dụng hệ dây dẫn điện đi ngầm trong tường, trần và luồn trong ống bảo vệ. Hệ thống chống sét sử dụng kim thu sét phát xạ sớm, cao 5,0m, đặt trên mái của công trình. Cáp đồng dẫn sét Cu-70, dây tiếp địa thép dẹt 40x4, cọc tiếp địa thép D16. Hệ thống điều hòa, thông gió bố trí phù hợp quy mô từng phòng.

c. Phân cấp thoát nước:

Cấp nước: Nước cấp cho công trình được lấy từ bể ngầm bơm lên téc nước trên mái và cấp xuống thiết bị dùng nước tại khu vệ sinh. Thoát nước thải từ xí, tiểu được thu vào hệ thống đường ống riêng qua bể tự hoại xử lý và thoát ra rãnh thoát nước chung. Nước thải từ phễu sàn, lavabo được thu vào đường ống và thải trực tiếp ra rãnh thoát nước bên ngoài. Ống thoát nước sử dụng ống nhựa PVC. Nước mưa trên mái được thu về sân xung quanh mái, vào các ống đứng thoát nước PVC và thải ra rãnh thoát nước bên ngoài.

**7.4. Hạng mục: Nhà bảo vệ**

Quy mô công trình 01 tầng. Diện tích xây dựng 12,0 m<sup>2</sup>. Chiều cao công trình tính từ cos 0,000m đến đỉnh mái là 4,06m. Cốt nền nhà cao hơn so với cốt sân là: 0,45m. Mặt bằng bố trí khu nhà bảo vệ.

- Nền lát gạch Ceramic 500x500mm. Tường xây gạch không nung, vữa xi măng mác 50. Bê mặt tường, trần trát vữa xi măng, lăn sơn.

- Mái xây tường thu hồi, gác xà gồ thép thép, lợp tôn.

- Kết cấu phần móng công trình sử dụng móng đơn BTCT mác 200# đá 1x2. Kích thước móng: 1,2x1,2m. Kết cấu phần thân sử dụng khung cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác 200# đổ tại chỗ. Tiết diện cột điển hình: 220x220mm. Tiết diện dầm điển hình: 220x300mm. Sàn BTCT dày 100mm.

Hệ thống điện lấy từ nguồn điện trạm biến áp khu vực. Sau đó cấp cho thiết bị, chiếu sáng sử dụng hệ dây dẫn điện đi ngầm trong tường, trần và luồn trong ống bảo vệ.

**7.5. Hạng mục: Đài tháp truyền hình**

Đài tháp truyền hình kích thước mặt chân đế: 7,0x7,0m<sup>2</sup>. Chiều cao tháp tính từ cốt +0.000 đến đỉnh mái: 36,0m. Kết cấu phần móng trụ tháp sử dụng móng cọc bằng BTCT. Kết cấu phần thân tháp sử dụng giàn vì kèo bằng thép, các liên kết sử dụng đường hàn, bu lông, bản mã.

**8. Tổng mức đầu tư dự án: 144.989 triệu đồng**

*(Một trăm bốn mươi bốn tỷ, chín trăm tám mươi chín triệu đồng)*

Trong đó:

- Chi phí bồi thường GPMB	8.657 triệu đồng
- Chi phí xây lắp	115.159 triệu đồng
- Chi phí thiết bị	1.201 triệu đồng
- Chi phí QLDA	2.025 triệu đồng
- Chi phí TVĐTXD	7.390 triệu đồng
- Chi phí khác	1.199 triệu đồng
- Chi phí dự phòng	9.358 triệu đồng

*(có biểu chi tiết kèm theo)*

**9. Nguồn vốn:** Ngân sách tỉnh hỗ trợ, ngân sách huyện và các nguồn huy động hợp pháp khác.

**10. Số bước thiết kế:** 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

**11. Hình thức quản lý dự án:** Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện.

**12. Thời gian thực hiện:** Năm 2021-2022.

**13. Phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng:** Đất trong khu vực thực hiện dự án được bồi thường và thu hồi theo quy định của Luật Đất đai và các quy định hiện hành khác.

**14. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng:** Chấp thuận danh mục các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho dự án theo đề nghị của Ban QLDA ĐTXD huyện tại Tờ trình số 129/TTr-BQLDA ngày 15/3/2021 (kèm theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi).

**Điều 2.** Giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án theo đúng Luật Xây dựng và các quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc kho bạc nhà nước Triệu Sơn; Giám đốc Ban QLDA ĐTXD huyện và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KTHT.

**CHỦ TỊCH**

**Vũ Đức Kính**

## TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

### DỰ ÁN: KHU VĂN HÓA - THỂ THAO HUYỆN TRIỆU SƠN

Đơn vị tính: đồng

TT	THÀNH PHẦN CHI PHÍ	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
<b>I</b>	<b>CHI PHÍ BỒI THƯỜNG GPMB</b>	<b>8.657.000.000</b>
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ XÂY DỰNG</b>	<b>115.159.154.000</b>
<b>II.1</b>	<b>Hạng mục: Hạ tầng kỹ thuật</b>	<b>45.549.028.000</b>
1	San nền	13.703.245.000
2	Giao thông	17.541.366.000
3	Thoát nước mưa, nước thải	3.727.593.000
4	Cấp nước	614.447.000
5	Cấp điện	2.716.377.000
6	Quảng trường, Cảnh quan + cây xanh	7.246.000.000
<b>II.2</b>	<b>Hạng mục: Nhà thi đấu, SVĐ, Nhà VH-TT</b>	<b>69.610.126.000</b>
1	Cổng + tường rào	2.310.000.000
2	Nhà bảo vệ	72.000.000
3	Nhà VH-TT	5.988.276.000
4	Nhà thi đấu	39.879.081.000
5	Sân vận động	21.110.769.000
6	Tháp Ăng ten	250.000.000
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ THIẾT BỊ</b>	<b>1.201.145.000</b>
<b>IV</b>	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN</b>	<b>2.024.669.000</b>
<b>V</b>	<b>CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG</b>	<b>7.389.868.000</b>
<b>V.1</b>	<b>Giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi</b>	<b>747.751.000</b>
1	Khảo sát phục vụ lập Báo cáo NCKT	128.547.000
2	Lập nhiệm vụ khảo sát bước lập BCNCKT	3.856.000
3	Giám sát khảo sát bước lập Báo cáo NCKT	5.234.000
4	Lập Báo cáo NCKT	499.572.000
5	Thẩm tra Báo cáo NCKT	110.542.284
<b>V.2</b>	<b>Giai đoạn thiết kế BVTC</b>	<b>6.642.117.000</b>
1	Khảo sát phục vụ lập thiết kế BVTC	410.280.000
2	Giám sát khảo sát bước lập thiết kế BVTC	16.707.000
3	Lập thiết kế BVTC và DT	2.505.117.923
<b>3.1</b>	<b>Hạng mục: Hạ tầng kỹ thuật</b>	<b>821.248.975</b>
<b>3.2</b>	<b>Hạng mục: Nhà thi đấu, SVĐ, Nhà VH-TT</b>	<b>1.683.868.948</b>
4	Thẩm tra thiết kế BVTC	162.374.407
5	Thẩm tra dự toán	158.919.633
6	Giám sát thi công xây dựng	2.108.564.110
7	Giám sát lắp đặt thiết bị	10.137.664

<b>TT</b>	<b>THÀNH PHẦN CHI PHÍ</b>	<b>GIÁ TRỊ SAU THUẾ</b>
8	Lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu tư vấn thiết kế BVTC	16.709.137
9	Lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu thi công xây dựng	143.948.943
10	Lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu lắp đặt thiết bị	4.408.202
11	Lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu giám sát thi công xây dựng	14.949.720
12	Lập kế hoạch bảo vệ môi trường	100.000.000
13	Thẩm định giá thiết bị	50.000.000
14	Chi phí thí nghiệm nén tĩnh cọc	240.000.000
15	Chi phí thí nghiệm thử tải dầm thép Khán đài	240.000.000
16	Chi phí thí nghiệm thử tải vì kèo thép Nhà thi đấu	460.000.000
<b>VI</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>	<b>1.198.568.000</b>
1	Thẩm định Báo cáo NCKT	7.974.552
2	Thẩm định HSMT và kết quả LCNT gói thầu tư vấn thiết kế BVTC	2.277.380
3	Thẩm định HSMT và kết quả LCNT gói thầu thi công xây dựng	104.690.140
4	Thẩm định HSMT và kết quả LCNT gói thầu lắp đặt thiết bị	2.000.000
5	Thẩm định HSMT và kết quả LCNT gói thầu giám sát thi công xây dựng	2.000.000
6	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN	96.304.626
7	Bảo hiểm công trình	92.127.323
8	Rà phá bom mìn	241.450.000
9	Thẩm duyệt PCCC	7.249.593
10	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	147.161.987
11	Kiểm toán	495.332.328
<b>VII</b>	<b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG</b>	<b>9.358.498.000</b>
1	Dự phòng do phát sinh khối lượng	6.781.520.200
2	Dự phòng do yếu tố trượt giá	2.576.977.676
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>144.988.902.000</b>

*Một trăm bốn mươi bốn tỷ, chín trăm tám mươi tám triệu, chín trăm lẻ hai nghìn đồng./.*